TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 58/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hoá, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L - sinh ngày 12/10/1980

Số CCCD: 038180xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn C - sinh ngày 08/10/1981

Số CCCD: 038081xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị L và ông Trịnh Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Trịnh Văn C.

- ***Về con chung***: Bà Phạm Thị L và ông Trịnh Văn C thống nhất vợ chồng có

02 con chung, tên là Trịnh Văn T (Giới tính: Nam) - sinh ngày 25/8/2002 và Trịnh Phương T1 (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/4/2010. Các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực.

Bà L và ông C thống nhất, thoả thuận: Con chung là Trịnh Văn T đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao con chung là Trịnh Phương T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà L, ông C tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Trịnh Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- ***Về tài sản chung, công nợ chung***: Bà Phạm Thị L và ông Trịnh Văn C thống nhất vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Bà Phạm Thị L và ông Trịnh Văn C thống nhất, thỏa thuận: bà Phạm Thị L chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp là 36.525.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0001471, ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, bà L được nhận lại 36.375.000 đồng (ba mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Trịnh Văn C không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang